



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
THƯƠNG MẠI & CÔNG NGHIỆP VN

Số: 235/2022/CV-VICS

V/v: Công bố Báo cáo kiểm toán soát xét bán
niên 2022 và Báo cáo Tỷ lệ ATTIC tại ngày
30/6/2022

TP Hà Nội, ngày 13. tháng 08. năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Mã chứng khoán: VIG

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 và Tầng 8, Khối B, Toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường
Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 024-35149999

Fax: 024-37672887

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2022 và
Báo cáo tỷ lệ An toàn tài chính tại ngày 30/6/2022**

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/8/2022
tại đường dẫn <http://vics.vn/TinTuc/TinVICIS.aspx>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo kiểm toán soát xét bán niên 2022,
- Báo cáo tỷ lệ ATTIC tại ngày 30/6/2022..

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TM & CN
VIỆT NAM

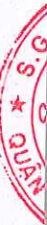
NGƯỜI ỦY QUYỀN CBTT


Dương Quang Trung

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 14
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	15
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	16 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Tầng 1 và tầng 8, khối B tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,

Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2022
Ông Dương Quang Trung	Chủ tịch	Từ ngày 17/01/2022 đến ngày 29/03/2022
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2022
	Phụ trách quản trị	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 05 năm 2022
Bà Đào Thị Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Nguyễn Xuân Sanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Nguyễn Việt Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2022
Ông Dương Quang Trung	Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 12/05/2022
Ông Nguyễn Xuân Biểu	Tổng Giám đốc	Từ ngày 07/03/2022 đến ngày 29/03/2022
Ông Tô Thành Vinh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2022

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Tú Anh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2022
Bà Vũ Thị Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2022
Bà Dương Thị Trinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2022
Bà Hồ Thị Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Bà Vũ Huyền Trâm

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Tổng Giám đốc.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 kèm theo.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này và được Hội đồng quản trị phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 


Nguyễn Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2022

Số: 455 /2022/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2022, từ trang 6 đến trang 40, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn và được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại ngày 30/06/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc một số nội dung sau:

Tại Thuyết minh số 8 – “Các khoản phải thu”, Công ty đang trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tổng giá trị tài sản đảm bảo cho khoản phải thu này là các cổ phiếu niêm yết được Công ty xác định căn cứ theo giá trị trường tại ngày 30/06/2022 là: 31.469.848.200 đồng.

Tại Thuyết minh số 10 – “Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn”, Công ty đang đặt cọc cho Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân số tiền 110.000.000.000 đồng với mục đích mua bất động sản làm văn phòng Công ty. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2022, các bên vẫn tiếp tục gia hạn hợp đồng đặt cọc này và để đảm bảo cho khoản đặt cọc trên, Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân ký kết với các biên bản bảo lãnh với Công ty. Tài sản được bảo lãnh tại ngày 30/06/2022 là các cổ phiếu niêm yết được Công ty xác định căn cứ theo giá trị trường tại ngày 30/06/2022 là 120.973.683.600 đồng.

Ban Điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể kiểm soát, định đoạt, thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, đồng thời giá trị có thể thu hồi đủ để bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân như đã trình bày tại Thuyết minh số 08 và số 10. Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý khả năng thu hồi các khoản phải thu nêu trên sẽ phụ thuộc vào tình hình tài chính, khả năng thanh toán của nhà đối tác cũng như khả năng xử lý tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu.

Tại Thuyết minh số 1.3 – “Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp”, tại ngày 30/06/2022, lỗ lũy kế trên báo cáo tình hình tài chính của Công ty là âm 164 tỷ đồng, hoạt động của Công ty duy trì ở mức độ cầm chừng. Sự kiện ngày cùng với các vấn đề được nêu tại Thuyết minh số 1.3 cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định liên tục.

Tại Thuyết minh số 16 – “Vay và nợ ngắn hạn”, Thuyết minh số 21 – “Phải trả phải nộp khác” và Thuyết minh số 36 – “Rủi ro tiềm tàng”, Công ty phải trả tiền gốc và lãi đối với khoản vay Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội (Handico). Tuy nhiên, do hai bên chưa thống nhất được thời gian thanh toán và việc xuất hóa đơn tài chính nên Công ty chưa thực hiện thanh toán khoản gốc và lãi vay trên. Theo công văn Handico đề xuất thanh toán, nếu không thanh toán khoản công nợ trên, Handico sẽ yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty. Do đó, có nguy cơ xảy ra các vụ kiện cáo liên quan đến nghĩa vụ thanh toán khoản công nợ này trong thời gian tới.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không liên quan đến kết luận kiểm toán đã trình bày.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần tại ngày 07/03/2022. Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty đã được soát xét bởi doanh nghiệp kiểm toán khác và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần tại ngày 14/08/2021.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		213.914.569.385	208.073.235.704
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		102.892.456.648	96.209.412.385
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6	34.300.748.955	7.950.543.343
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>34.300.748.955</i>	<i>7.950.543.343</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	-	30.897.460.000
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		26.015.080.000	-
Các khoản cho vay	114	7	4.634.516.392	8.151.032.463
Các khoản phải thu	117	8	27.359.018.545	3.359.018.545
Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		27.359.018.545	3.359.018.545
Trả trước cho người bán	118	8	72.726.000	366.069.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	60.733.223.751	60.639.213.751
Các khoản phải thu khác	122	8	5.310.318.173	5.310.318.173
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	15	(55.533.175.168)	(20.464.242.890)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		111.022.112.737	111.863.823.319
Tạm ứng	131		882.595.010	1.745.987.410
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	10	110.000.000.000	110.000.000.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		21.681.818	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	11	117.835.909	117.835.909
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.822.892.462	7.221.326.076
Tài sản cố định	220		2.212.333.049	1.279.006.420
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.731.749.716	571.923.087
- Nguyên giá	222		11.452.010.014	10.163.552.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(9.720.260.298)	(9.591.629.013)
Tài sản cố định vô hình	227	13	480.583.333	707.083.333
- Nguyên giá	228		6.009.199.277	6.009.199.277
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(5.528.615.944)	(5.302.115.944)
Tài sản dài hạn khác	250		7.610.559.413	5.942.319.656
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	10	633.230.000	488.694.000
Chi phí trả trước dài hạn	252	9	1.349.513.211	110.497.263
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	14	5.627.816.202	5.343.128.393
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		223.737.461.847	215.294.561.780

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 1 và tầng 8, khối B tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		28.254.647.233	22.992.336.089
Nợ phải trả ngắn hạn	310		28.254.647.233	22.992.336.089
Vay ngắn hạn	312	16	13.877.941.119	7.896.937.426
Phải trả người bán ngắn hạn	320	18	933.124.548	1.411.492.999
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		211.000.000	211.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	17	1.131.464.656	2.437.418.349
Phải trả người lao động	323		586.528.028	962.878.688
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		58.244.768	214.567.330
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	236.482.500	134.894.667
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328	20	89.400.000	89.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	21	11.130.461.614	9.633.746.630
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		195.482.814.614	192.302.225.691
Vốn chủ sở hữu	410		195.482.814.614	192.302.225.691
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	355.958.850.000	355.958.850.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		341.333.000.000	341.333.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		341.333.000.000	341.333.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	411.2		14.625.850.000	14.625.850.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		1.813.981.917	1.813.981.917
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		1.813.981.917	1.813.981.917
Lợi nhuận chưa phân phối	417	22.2	(164.103.999.220)	(167.284.588.143)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(164.103.999.220)	(167.284.588.143)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		223.737.461.847	215.294.561.780

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Ngoại tệ các loại - USD	005	23.1	83	83
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	006	23.2	34.133.300	34.133.300
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	24	22.433.170.000	22.433.170.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	25	764.679.200.000	863.642.270.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		760.486.350.000	854.102.490.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		8.770.000	
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		4.184.080.000	9.539.780.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	26	110.329.900.000	50.189.330.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		60.279.900.000	1.560.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		50.050.000.000	50.187.770.000
Tiền gửi của khách hàng	026	27	23.415.421.435	5.150.070.235
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	027		22.924.993.663	2.545.125.086
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		490.427.772	2.604.945.149
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		489.277.691	2.603.730.247
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		1.150.081	1.214.902

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	28	23.415.421.435	5.150.070.235
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý (VND)	031.1		23.415.421.435	5.124.394.440
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		-	25.675.795

Lê Thị Dung
Người lập biểu

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		42.716.460.000	-
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>		<i>42.716.460.000</i>	<i>-</i>
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		406.111.969	165.973.717
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		6.879.378.247	4.001.688.437
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		138.965.958	255.563.904
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		-	145.000.000
Thu nhập hoạt động khác	11		22.508.580	8.768.220
Cộng doanh thu hoạt động		29	50.163.424.754	4.576.994.278
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		25.000.000	-
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>		<i>25.000.000</i>	<i>-</i>
Chi phí hoạt động tự doanh	26		334.000.000	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		4.431.175.378	2.443.678.743
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		36.742.979	-
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		307.556.847	208.224.523
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		399.590.761	426.376.070
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		3.520.454	1.173.484
Chi phí các dịch vụ khác	32		59.218.701	81.386.744
Cộng chi phí hoạt động		40	5.596.805.120	3.160.839.564
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	709.132
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42		-	82.544.543
Cộng doanh thu hoạt động tài chính		50	-	83.253.675
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52		1.428.504.984	1.846.825.289
Cộng chi phí tài chính		60	1.428.504.984	1.846.825.289
CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	30	39.975.349.386	3.298.773.872
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		3.162.765.264	(3.646.190.772)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71		89.324.142	162.475.657
Chi phí khác	72		71.500.483	253.577.700
Cộng kết quả hoạt động khác	80		17.823.659	(91.102.043)
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ				
Lợi nhuận đã thực hiện	90		3.180.588.923	(3.737.292.815)
CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	31	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	200		3.180.588.923	(3.737.292.815)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	32	93	(109)
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502	33	47	(109)


Lê Thị Dung
Người lập biểu


Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022 VND	đến 30/06/2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01	3.180.588.923	(3.737.292.815)
Điều chỉnh cho các khoản	02	36.852.568.547	1.945.296.820
- Khấu hao TSCĐ	03	355.131.285	305.776.206
- Các khoản dự phòng	04	35.068.932.278	(124.051.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05	-	(709.132)
- Chi phí lãi vay	06	1.428.504.984	1.846.825.289
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	-	(82.544.543)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30	(18.809.794.551)	2.634.114.761
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31	30.897.460.000	-
- Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32	(26.015.080.000)	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	3.516.516.071	2.086.471.804
- Tăng (giảm) phải thu bán các tài sản tài chính	35	(24.000.000.000)	-
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37	(94.010.000)	(102.000.000)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39	293.343.000	215.744.051
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40	697.174.582	635.654.235
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	(1.461.811.818)	(775.000.000)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	(1.239.015.948)	(223.555.709)
(-) Lãi vay đã trả	44	134.894.667	-
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	(912.665.365)	(302.351.158)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	(156.322.562)	47.200.795
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	(1.305.953.693)	458.121.528
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	(376.350.660)	310.857.030
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	1.212.027.175	126.737.945
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		209.434.240
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(53.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	21.223.362.919	842.118.766

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022


CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSDT và các tài sản khác	61	(854.161.000)	-
- Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	-	82.544.543
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(854.161.000)	82.544.543
Tiền vay gốc	73	8.015.003.693	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(2.034.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	80	5.981.003.693	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90	26.350.205.612	924.663.309
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu	101	7.950.543.343	1.212.163.011
- Tiền	101.1	7.950.543.343	1.212.163.011
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối	103	34.300.748.955	2.136.826.320
- Tiền	103.1	34.300.748.955	2.137.535.452
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104	-	(709.132)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)


Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
		đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
		VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách	01	2.183.677.898.500	1.127.874.136.900
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách	02	(1.764.106.987.600)	(1.099.666.983.000)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	781.802.670.715	429.672.385.221
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán	08	(1.183.108.230.415)	(430.214.724.002)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng	14	137.769.421.607	35.724.320.942
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(137.769.421.607)	(35.724.351.442)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	<i>20</i>	<i>18.265.351.200</i>	<i>27.664.784.619</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	5.150.070.235	10.125.248.840
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31	5.150.070.235	10.125.248.840
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	2.545.125.086	6.177.988.266
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	2.604.945.149	3.947.260.574
- <i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng</i>	<i>34</i>	<i>2.604.945.149</i>	<i>3.947.260.574</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40	23.415.421.435	37.790.033.459
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41	23.415.421.435	37.790.033.459
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	22.924.993.663	35.728.820.789
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	490.427.772	2.061.212.670


Lê Thị Dung
Người lập biểu


Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2021	Tại 01/01/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Tại 30/06/2021	Tại 30/06/2022
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu	190.877.792.500	192.302.225.691	-	(3.737.292.815)	187.140.499.685	195.482.814.614
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	355.958.850.000	355.958.850.000	-	-	355.958.850.000	355.958.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	341.333.000.000	341.333.000.000	-	-	341.333.000.000	341.333.000.000
- Thặng dư vốn cổ phần	14.625.850.000	14.625.850.000	-	-	14.625.850.000	14.625.850.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.813.981.917	1.813.981.917	-	-	1.813.981.917	1.813.981.917
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	1.813.981.917	1.813.981.917	-	-	1.813.981.917	1.813.981.917
3. Lợi nhuận chưa phân phối	(168.709.021.334)	(167.284.588.143)	-	(3.737.292.815)	(172.446.314.149)	(164.103.999.220)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(168.709.021.334)	(167.284.588.143)	-	(3.737.292.815)	(172.446.314.149)	(164.103.999.220)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-
Cộng	190.877.792.500	192.302.225.691	-	(3.737.292.815)	187.140.499.685	195.482.814.614

[Signature]

Lê Thị Dung
Người lập biểu

[Signature]

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 1 và tầng 8, khối B Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2022

đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012, Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013, Quyết định số 133/QĐ-UBCK ngày 21/02/2019, Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 01/07/2022 và Giấy phép điều chỉnh số 74/GPĐC-UBCK ngày 08/08/2022 Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1 và tầng 8, khối B Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 341.333.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 341.333.000.000 đồng; tương đương 34.133.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Tầng 8, tháp B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội
Chi nhánh Hà Thành	Tầng 4, Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, quận Đống Đa, Hà Nội

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán và Lưu ký chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Quy mô vốn

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 tổng vốn điều lệ của Công ty là 341.333.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi một tỷ, ba trăm ba mươi ba triệu đồng).

1.3. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30/06/2022, lỗ lũy kế trên báo cáo tình hình tài chính của Công ty là âm 164 tỷ đồng, hoạt động của Công ty duy trì ở mức độ cầm chừng cùng với việc Công ty đang bị Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội (Handico) yêu cầu thanh toán gốc và lãi vay. Do hai bên chưa thống nhất được thời gian thanh toán và việc xuất hóa đơn tài chính nên Công ty chưa thực hiện thanh toán khoản gốc và lãi vay trên. Theo công văn Handico đề xuất thanh toán, nếu không thanh toán khoản công nợ trên, Handico sẽ yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với Công ty Sự kiện này cho thấy yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động của Công ty. Tuy nhiên Công ty đang có kế hoạch mở rộng thêm cơ sở kinh doanh, phát triển thêm khách hàng và đã họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường để thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2022. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 682.666.000.000 đồng. Do đó, báo cáo tài chính cho kỳ này vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN

Năm tài chính hằng năm của Công ty bắt đầu từ 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam "VND" và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Thực hiện kế toán công ty chứng khoán trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12/03/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán chứng quyền có đảm bảo đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

3.3 HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền, tiền gửi bù trừ và các thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty chứng khoán (CTCK) tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.1 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (TIẾP)

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Các khoản tiền của khách hàng được hạch toán, theo dõi tách biệt và được tổng hợp tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính của Công ty gồm: Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý, Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng, Tiền gửi của tổ chức phát hành; Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a. Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản chính được xác định theo giá mua/ chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL), chỉ được xác định theo giá mua/ chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b. Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng ứng trước tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.2 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN TÀI SẢN TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c. Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với các quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Điều hành chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT- BTC của Bộ Tài chính như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.3 CÁC KHOẢN NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN, DÀI HẠN

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của Pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN, DÀI HẠN

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như:

- Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	2 - 8 năm

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.7 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng. Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tính hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán qua các đại lý.

4.8 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã nhận được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

4.11 DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh của FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện

Thu nhập phát sinh từ cá tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán, cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL. HTM được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh

Doanh thu được ghi nhận khi các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia doanh thu cho các bên theo điều khoản quy định trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt được thanh toán hay chưa.

4.13 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá đối hoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu trường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu trường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chênh lệch lỗ tỷ giá đối hoái;
- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền,...)

4.14 CÁC KHOẢN THUẾ

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

4.15 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

4.16 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 1 và tầng 8, khối B Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.16 CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4.17 THÔNG TIN BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ</u>
	Cổ phiếu	VNĐ
Của Công ty Chứng khoán	-	-
- Cổ phiếu	-	-
Của Nhà đầu tư	213.912.275	3.979.698.980.200
- Cổ phiếu	213.912.275	3.979.698.980.200
	<u>213.912.275</u>	<u>3.979.698.980.200</u>

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	50.733.476	2.054.972.401
Tiền gửi ngân hàng	34.248.181.173	5.893.672.499
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.834.306	1.898.443
Cộng	<u>34.300.748.955</u>	<u>7.950.543.343</u>

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản FVTPL	<u>30/06/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	30.897.460.000	30.897.460.000
Cộng	-	-	<u>30.897.460.000</u>	<u>30.897.460.000</u>

b) Các khoản cho vay

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VNĐ	VNĐ
Hoạt động ứng trước tiền bán	4.634.516.392	8.151.032.463
Cộng	<u>4.634.516.392</u>	<u>8.151.032.463</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 1 và tầng 8, khối B Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	27.359.018.545	3.359.018.545
Trả trước cho người bán	72.726.000	366.069.000
- Công ty TNHH Viễn thông Sáng Tạo Thuận Phong	-	366.069.000
- Công ty TNHH MTV Kiến trúc - nội thất Huy Hoàng	72.726.000	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	60.733.223.751	60.639.213.751
- Phải thu Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (*)	45.299.876.762	45.299.876.762
- Phải thu các cá nhân hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (**)	14.330.224.717	14.330.224.717
- Phải thu ứng trước tiền bán quá hạn	823.700.000	823.700.000
- Phải thu dịch vụ khác	279.422.272	185.412.272
Phải thu khác	5.310.318.173	5.310.318.173
- Phải thu lãi Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (*)	2.503.689.290	2.503.689.290
- Phải thu lãi các cá nhân hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (**)	2.011.212.883	2.011.212.883
- Phải thu khác	795.416.000	795.416.000
Cộng	93.475.286.469	69.674.619.469

(*) Khoản phải thu khách hàng về Hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ và lãi phải thu liên quan đến các hợp đồng của Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân, Công ty đã trích lập phần gốc và phần lãi của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số tiền lần lượt là 31.709.913.733 đồng (trương ứng với 70%) và 2.503.689.290 đồng (trương ứng 100%). Giá trị khoản phải thu chưa trích lập được cam kết bảo lãnh bằng số dư chứng khoán niêm yết trong các tài sản được sử dụng để bảo lãnh theo biên bản bảo lãnh ngày 30/06/2022, Công ty có quyền quản lý các tài sản để bảo lãnh cho các khoản phải thu này. Tổng giá trị các cổ phiếu niêm yết được bảo lãnh được Công ty xác định căn cứ theo giá trị trường tại ngày 30/06/2022 là 31.469.848.200 đồng.

(**) Khoản phải thu các cá nhân về hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ và lãi phải thu liên quan đến các hợp đồng này, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% đối với các khoản phải thu trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 1 và tầng 8, khối B Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa văn phòng	431.611.895	-
- Chi phí khác	917.901.316	110.497.263
Cộng	1.349.513.211	110.497.263

10. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	110.000.000.000	110.000.000.000
- Đặt cọc mua văn phòng (*)	110.000.000.000	110.000.000.000
Dài hạn	633.230.000	488.694.000
- Đặt cọc thuê văn phòng	633.230.000	488.694.000
Cộng	110.633.230.000	110.488.694.000

(*) Khoản tiền đặt cọc mua bất động sản làm văn phòng Công ty theo hợp đồng môi giới số 02.2015/VICS-VLX ngày 05/01/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân. Theo phụ lục hợp đồng số 27/02/2015/VICS-VLX ngày 17/04/2022, hai bên tiếp tục thời gian gia hạn hợp đồng 03 tháng đến ngày 17/07/2022, Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân tiếp tục nhận khoản tiền 110 tỷ đồng Công ty đã chuyển để làm căn cứ tìm vị trí để Công ty làm văn phòng trụ sở.

Theo biên bản bảo lãnh được ký kết giữa các cá nhân (Bên bảo lãnh), Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân (Bên được bảo lãnh) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (Bên nhận bảo lãnh) ngày 30/06/2022, Bên bảo lãnh đồng ý sử dụng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thay cho bên nhận bảo lãnh. Tài sản được bảo lãnh là các cổ phiếu niêm yết có giá trị là 120 tỷ đồng. Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng và chuyển nhượng tài sản đảm bảo này để bảo lãnh cho khoản tiền mà Công ty đã đặt cọc cho Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	117.835.909	117.835.909
Cộng	117.835.909	117.835.909

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 1 và tầng 8, khối B Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2022	2.026.260.850	2.595.287.516	5.542.003.734	10.163.552.100
Mua trong kỳ	1.288.457.914	-	-	1.288.457.914
30/06/2022	3.314.718.764	2.595.287.516	5.542.003.734	11.452.010.014
HAO MÒN LUYỄN KẾ				
01/01/2022	(1.454.337.763)	(2.595.287.516)	(5.542.003.734)	(9.591.629.013)
Khấu hao trong kỳ	(128.631.285)	-	-	(128.631.285)
30/06/2022	(1.582.969.048)	(2.595.287.516)	(5.542.003.734)	(9.720.260.298)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2022	571.923.087	-	-	571.923.087
30/06/2022	1.731.749.716	-	-	1.731.749.716

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2022	6.009.199.277	6.009.199.277
30/06/2022	6.009.199.277	6.009.199.277
HAO MÒN LUYỄN KẾ		
01/01/2022	(5.302.115.944)	(5.302.115.944)
Trích khấu hao trong kỳ	(226.500.000)	(226.500.000)
30/06/2022	(5.528.615.944)	(5.528.615.944)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2022	707.083.333	707.083.333
30/06/2022	480.583.333	480.583.333

14. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	3.194.753.825	2.910.066.016
Tiền lãi phân bổ hàng năm	2.313.062.377	2.313.062.377
Cộng	5.627.816.202	5.343.128.393

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
 Tầng 1 và tầng 8, khối B Tòa nhà Sông Đà, Đ. Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. NỢ XẤU

Giá trị phải thu khó đòi	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022		Số hoàn nhập trong năm		01/01/2022	
	Số trích lập trong năm		Số hoàn nhập trong năm		Số dư đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK	63.812.820.024	(15.153.924.717)	(35.068.932.278)	-	(50.222.856.995)	(14.330.224.717)
cung cấp						
- Phải thu Công ty Cổ phần Vàng Lộc	45.299.876.762	-	(31.709.913.733)	-	(31.709.913.733)	-
- Phải thu đồng hợp tác kinh doanh cũ						
- Phải thu các cá nhân hợp đồng hợp tác	14.330.224.717	(14.330.224.717)	-	-	(14.330.224.717)	(14.330.224.717)
kinh doanh cũ						
- Phải thu bán các tài sản tài chính	3.359.018.545	-	(3.359.018.545)	-	(3.359.018.545)	-
- Phải thu ứng trước tiền bán quá hạn	823.700.000	(823.700.000)	-	-	(823.700.000)	-
Dự phòng phải thu khác	5.310.318.173	(5.310.318.173)	-	-	(5.310.318.173)	(5.310.318.173)
- Phải thu lãi Công ty Cổ phần Vàng Lộc	2.503.689.290	(2.503.689.290)	-	-	(2.503.689.290)	(2.503.689.290)
Xuân						
- Phải thu lãi các cá nhân hợp đồng hợp	2.011.212.883	(2.011.212.883)	-	-	(2.011.212.883)	(2.011.212.883)
tác kinh doanh cũ						
- Phải thu khác	795.416.000	(795.416.000)	-	-	(795.416.000)	(795.416.000)
Cộng	69.123.138.197	(20.464.242.890)	(35.068.932.278)	-	(55.533.175.168)	(19.640.542.890)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
 Tầng 1 và tầng 8, khối B Tòa nhà Sông Đà, Đ. Phạm Hùng, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHON LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2022
Vay ngân hàng	-	-	-	-
Vay cá nhân và đối tượng khác	7.896.937.426	8.015.003.693	2.034.000.000	13.877.941.119
Công ty TNHH NN MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội (*)	5.862.937.426	-	-	5.862.937.426
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	2.034.000.000	-	2.034.000.000	-
Công ty Cổ phần HDE Holdings (**)	-	8.015.003.693	-	8.015.003.693
Tổng cộng	7.896.937.426	8.015.003.693	2.034.000.000	13.877.941.119

(*) Hợp đồng vay tiền số 54/HĐVT/VICS ngày 17/12/2010, phụ lục hợp đồng vay tiền số 02/1306-54/2011/HĐVT ký ngày 01/09/2013 với nội dung như sau:
 + Số tiền vay gốc của hợp đồng là: 25.000.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất vay 9%/năm. Mục đích vay là phục vụ hoạt động kinh doanh, hợp đồng vay dưới hình thức tín chấp (không có tài sản đảm bảo).

(**) Bao gồm các hợp đồng vay tiền số: 03/HĐVT/HDE ngày 08/02/2022; 13/HĐVT/HDE ngày 18/02/2022; 11/HĐVT/HDE ngày 22/02/2022; 14/HĐVT/HDE ngày 22/02/2022 và 205/HĐVT/HDE ngày 20/05/2022. Thời hạn vay: Không xác định và Lãi suất theo thỏa thuận.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ cân trừ trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	57.488.724	8.500.000	15.656.363	50.332.361
- Thuế thu nhập cá nhân	2.379.929.625	2.754.983.999	4.053.781.329	1.081.132.295
	2.437.418.349	2.763.483.999	4.069.437.692	1.131.464.656

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hà Thành	120.520.492	121.343.346
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	650.684.056	0
Công ty CP Đầu tư quốc tế Vạn Xuân	135.520.000	525.360.000
Công ty cổ phần TM và giải pháp phần mềm RPS	-	264.542.981
Các đối tượng khác	26.400.000	500.246.672
Cộng	933.124.548	1.411.492.999

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	134.894.667
Chi phí thuê văn phòng	196.482.500	-
Chi phí khác	40.000.000	-
Cộng	236.482.500	134.894.667

20. NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nhận đặt cọc thuê văn phòng	89.400.000	89.400.000
Cộng	89.400.000	89.400.000

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	104.625.000	104.625.000
Phải trả Công ty TNHH NN MTV Đầu tư và phát triển Nông nghiệp Hà Nội về lãi vay	9.790.785.330	9.529.121.630
Phải trả đối tượng khác	1.235.051.284	-
Cộng	11.130.461.614	9.633.746.630

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông	30/06/2022		01/01/2022	
	VND	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %
Bà La Mỹ Phượng	23.387.000.000	6,9%	23.387.000.000	6,9%
Vốn góp của cổ đông khác	317.946.000.000	93,1%	317.946.000.000	93,1%
Cộng	341.333.000.000	100%	341.333.000.000	100%

22.2 LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	30/06/2022	01/01/2022
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	(164.103.999.220)	(167.284.588.143)
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-
Cộng	(164.103.999.220)	(167.284.588.143)

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	341.333.000.000	341.333.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	341.333.000.000	341.333.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

22.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34.133.300	34.133.300
+ Cổ phiếu phổ thông	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.133.300	34.133.300
+ Cổ phiếu phổ thông	34.133.300	34.133.300
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. THUYẾT MINH CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

23.1 NGOẠI TỆ

	30/06/2022	01/01/2022
- USD	83	83
Cộng	83	83

23.2 CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Cổ phiếu đang lưu hành	34.133.300	34.133.300
Cộng	34.133.300	34.133.300

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	22.433.170.000	22.433.170.000
Cộng	22.433.170.000	22.433.170.000

25. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	760.486.350.000	854.102.490.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	8.770.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	4.184.080.000	9.539.780.000
Cộng	764.679.200.000	863.642.270.000

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	60.279.900.000	1.560.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	50.050.000.000	50.187.770.000
Cộng	110.329.900.000	50.189.330.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Tầng 1 và tầng 8, khối B Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22.924.993.663	2.545.125.086
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	22.924.993.663	2.545.125.086
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức NHTM quản lý	490.427.772	2.604.945.149
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	489.277.691	2.603.730.247
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	1.150.081	1.214.902
Cộng	23.415.421.435	5.150.070.235

28. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	22.924.993.663	2.545.125.086
Nhà đầu tư trong nước	22.924.993.663	2.545.125.086
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	490.427.772	2.604.945.149
Nhà đầu tư trong nước	489.277.691	2.603.730.247
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	1.150.081	1.214.902
Cộng	23.415.421.435	5.150.070.235

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	6.879.378.247	4.001.688.437
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay	406.111.969	165.973.717
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	138.965.958	255.563.904
Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	42.716.460.000	-
Doanh thu dịch vụ tư vấn tài chính	-	145.000.000
Thu nhập hoạt động khác	22.508.580	8.768.220
Cộng	50.163.424.754	4.576.994.278

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản phúc lợi	2.337.853.043	1.699.419.458
Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng	101.320.679	30.827.908
Chi phí khấu hao TSCĐ	71.403.375	90.276.206
Chi phí thuế, phí và lệ phí	1.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng và hoàn nhập dự phòng	35.068.932.278	(124.051.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.964.223.338	1.309.683.527
Chi phí khác	430.616.673	288.617.773
Cộng	39.975.349.386	3.298.773.872

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.180.588.923	(3.737.292.815)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.185.935.019	339.805.868
Chi phí không được trừ	1.185.935.019	339.805.868
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>1.185.935.019</i>	<i>339.805.868</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	4.366.523.942	(3.397.486.947)
Lỗi năm trước chuyển sang	(4.366.523.942)	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.180.588.923	(3.737.292.815)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	34.133.300	34.133.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	93	(109)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**Tầng 1 và tầng 8, khối B Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ 01/01/2022
đến 30/06/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***33. THU NHẬP PHA LOÃNG TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.180.588.923	(3.737.292.815)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.180.588.923	(3.737.292.815)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	34.133.300	-
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/CP)	47	(109)

Căn cứ theo Nghị quyết số 44/2022/VICS/Nq-HĐQT ngày 09 tháng 02 năm 2022, Công ty dự kiến phát hành thêm 34.133.300 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 682.666.000.000 đồng.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:*

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.300.748.955	-	7.950.543.343	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	-	-	30.897.460.000	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	26.015.080.000	-	-	-
Các khoản cho vay	4.634.516.392	-	8.151.032.463	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	27.359.018.545	(3.359.018.545)	3.359.018.545	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	60.733.223.751	46.863.838.450	60.639.213.751	15.153.924.717
Các khoản phải thu khác	5.310.318.173	(5.310.318.173)	5.310.318.173	(5.310.318.173)
Cộng	158.352.905.816	38.194.501.732	116.307.586.275	9.843.606.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là hỗ trợ tài chính cho hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hoặc phát hành các công cụ tài chính phái sinh.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét thống nhất các chính sách quản lý những rủi ro này như tổng hợp dưới đây.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có hai loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2022				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	30.897.460.000	-	-	30.897.460.000
	30.897.460.000	-	-	30.897.460.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản cho vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Độ nhạy lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy lãi suất do mức độ rủi ro lãi suất của Công ty là nhỏ hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá cổ phần

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.300.748.955	-	-	34.300.748.955
Các khoản cho vay	30.649.596.392	-	-	30.649.596.392
Các khoản phải thu	37.942.111.301	-	-	37.942.111.301
	102.892.456.648	-	-	102.892.456.648
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.950.543.343	-	-	7.950.543.343
Các khoản cho vay	8.151.032.463	-	-	8.151.032.463
Các khoản phải thu	49.210.376.579	-	-	49.210.376.579
	65.311.952.385	-	-	65.311.952.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Vay và nợ	13.877.941.119	-	-	13.877.941.119
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	12.063.586.162	-	-	12.063.586.162
Chi phí phải trả	236.482.500	-	-	236.482.500
	<u>26.178.009.781</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>26.178.009.781</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	7.896.937.426	-	-	7.896.937.426
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	11.045.239.629	-	-	11.045.239.629
Chi phí phải trả	134.894.667	-	-	134.894.667
	<u>19.077.071.722</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>19.077.071.722</u>

36. RỦI RO TIỀM TÀNG

Tại ngày 30/06/2022, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) phải trả số tiền gốc và lãi đối với Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội (Handico) với số tiền lần lượt là: 5.862.937.425 đồng và 9.790.785.330 đồng. Công ty đã có văn bản giải trình với UBCK đối với nội dung giải trình về việc nợ Handico theo Công văn số 88/2021/CV-VICS ngày 03/06/2021.

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, hai bên vẫn chưa thống nhất được các nội dung của khoản công nợ trên bao gồm: thời gian thanh toán gốc và lãi vay, xuất hóa đơn với các khoản lãi đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với bên liên quan

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Đi vay			
Bà Nguyễn Thị Hạnh Liên	Vợ của Chủ tịch HĐQT	-	1.847.000.000
Trả tiền vay			
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	2.034.000.000	-
Trả lãi vay			
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	134.894.667	-

Thù lao, thu nhập của Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc như sau:

Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VNĐ	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VNĐ
Thu nhập của Hội đồng quản trị	72.000.000	54.000.000
Nguyễn Xuân Biều	Chủ tịch - Miễn nhiệm ngày 17/01/2022, TVHĐQT - Bổ nhiệm ngày 29/03/2022	18.000.000
Tô Thành Vinh	Ủy viên - Miễn nhiệm ngày 17/01/2022	3.000.000
Nguyễn Xuân Sanh	Ủy viên - Miễn nhiệm ngày 17/01/2022	3.000.000
Nguyễn Phúc Long	Chủ tịch HĐQT - Bổ nhiệm ngày 29/03/2022	9.000.000
Dương Quang Trung	Chủ tịch - Bổ nhiệm ngày 17/01/2022, miễn nhiệm ngày 29/03/2022	15.000.000
Đào Thị Thanh	Phó Chủ tịch - Bổ nhiệm ngày 29/03/2022	15.000.000
Nguyễn Việt Việt	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 17/01/2022	9.000.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát	44.000.000	42.000.000
Nguyễn Thị Hoa Huệ	Trưởng ban - Miễn nhiệm ngày 29/03/2022	9.000.000
Hồ Thị Hiền	Ủy viên - Miễn nhiệm ngày 29/03/2022	6.000.000
Dương Thị Trinh	Ủy viên - Miễn nhiệm ngày 29/03/2022	6.000.000
Nguyễn Thị Thảo	Thư ký Công ty	2.000.000
Phạm Thị Tú Anh	Trưởng ban - Bổ nhiệm ngày 31/03/2022	9.000.000
Vũ Thị Thanh Hải	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 29/03/2022	6.000.000
Nguyễn Thị Kim Oanh	Ủy viên - Bổ nhiệm ngày 29/03/2022	6.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	334.351.484	392.458.800
Nguyễn Xuân Biều	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 07/03/2022, miễn nhiệm ngày 29/03/2022	123.873.757
Tô Thành Vinh	Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 01/02/2022	29.007.727
Dương Quang Trung	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 01/02/2022, miễn nhiệm ngày 12/05/2022	-
Nguyễn Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 12/05/2022	181.470.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty đã được soát xét.



Lê Thị Dung
Người lập biểu



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

VIỆN LUẬT

1
2
3
4